

**IV — Địa điểm thi — Chương trình thi — Bài thi — Giờ và hệ số — Cách cho điểm và điều kiện được chọn**

1) *Địa điểm thi*: do Sở, Khu, các Ty và các trường Chuyên nghiệp trung cấp ấn định.

2) *Chương trình thi và môn thi*: theo như quy chế tuyển sinh đã công bố.

3) *Đề thi*: do các trường chuyên nghiệp trung cấp đề nghị, Vụ Đại học — Chuyên nghiệp chọn đề thi thống nhất cho tất cả các địa điểm thi.

4) *Giờ và hệ số*:

— Toán	2 giờ	} không kể giờ chép đề thi
— Lý	2 giờ	
— Hóa	2 giờ	
— Vật	2 giờ	
— Sử	2 giờ	
— Địa	2 giờ	
— Văn	2 giờ	

Hệ số 1 cho tất cả các bài thi.

5) *Cách cho điểm thi*: Từ 0 đến 10, không cho điểm số lẻ.

6) *Điều kiện được chọn*:

— Điểm trung bình chung các môn là 5 trở lên mới được xét chọn.

— Căn cứ tổng số điểm thi cao nhất lần lượt chọn đủ số học sinh cần tuyển và kết hợp với nguyên tắc ưu tiên đối với một số đối tượng được chiếu cố.

— Nếu một trong các bài thi có điểm 1 thì không được xét chọn.

— Thi sinh nào bỏ không thi 1 bài sẽ coi là bỏ dở kỳ thi và bị loại.

— Trường hợp xét vượt thi sinh, ban lãnh đạo Hội đồng thi đưa ra toàn thể nhân viên Hội đồng Giám khảo biểu quyết, lấy theo đa số tương đối. Nếu số người biểu quyết ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Giám khảo là ý kiến đa số.

Nghị quyết của Hội đồng về việc vượt sẽ ghi rõ vào biên bản.

Các điểm của thi sinh được vượt vẫn giữ nguyên trong sổ ghi điểm. Chỉ cần ghi riêng vượt vào cột chú thích sổ ghi điểm.

7) *Tuyên bố kết quả thi*: trước ngày 5.9.1957.

Các trường chuyên nghiệp trung cấp sẽ gửi thư báo kết quả cho thi sinh được xét chọn đồng thời gửi danh sách thi sinh được chọn về các Ty, Sở, Khu Giáo dục để niêm yết cho thi sinh biết.

**V — Báo cáo Hội đồng thi**

1) Sau ngày 16-8-1957 vị Chủ tịch Hội đồng Giám thị, các Ty, Sở Hải phòng và Khu Tự trị

Thái Mèo gửi lên Vụ Đại học và Chuyên nghiệp biên bản Hội đồng thi kèm theo sổ ghi tên và gọi tên của thi sinh, hồ sơ kỳ thi và các bài thi của thi sinh có *gói kín* (kế hoạch cụ thể do Vụ Đại học và Chuyên nghiệp hướng dẫn).

2) Hội đồng Giám khảo trường Chuyên nghiệp trung cấp phụ trách tổng kết việc tổ chức thi tại trường mình và báo cáo lên Bộ Giáo dục (Vụ Đại học và Chuyên nghiệp) và Bộ sở quan đồng gửi danh sách thi sinh được xét chọn và hồ sơ kỳ thi.

Vụ Đại học Chuyên nghiệp làm tổng kết chung.

Biên bản phải có chữ ký của tất cả nhân viên Hội đồng thi (Giám khảo hay Giám thị).

3) Kết quả kỳ thi chỉ coi là chính thức sau khi được Liên Bộ Giáo dục và Sở quan duyệt y.

Ngày 22 tháng 7 năm 1957

Bộ trưởng Bộ Giáo dục

NGUYỄN VĂN HUYỀN

**NGHỊ ĐỊNH số 744-NĐ ngày 3-8-1957**  
ấn định quy chế các trường và các lớp học phổ thông dân lập cấp 1.

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC**

*Căn cứ sắc lệnh số 119-SL ngày 9-7-1956 thành lập Bộ Giáo dục;*

*Căn cứ nghị định số 596-NĐ ngày 16-8-1956 ban hành quy chế trường phổ thông 10 năm;*

*Căn cứ nghị định số 1027-TTg ngày 27-8-1956 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ vào chỉ thị số 1003-TTg ngày 14-8-1956 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách đối với thầy giáo;*

*Theo đề nghị của ông Giám đốc Nha giáo dục phổ thông;*

*Sau khi đã y hiệp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và được Thủ tướng phủ chuẩn y.*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** — Để đáp ứng dần dần yêu cầu học tập ngày càng cao của con em nhân dân và để động viên nhân dân tích cực tham gia xây dựng các trường phổ thông đúng với đường lối chính sách giáo dục của Chính phủ, nay tạm thời ấn định quy chế các trường và các lớp học phổ thông dân lập cấp I như sau:

**CHƯƠNG I**

**NGUYÊN TẮC CHUNG**

**Điều 2.** — Trường dân lập là trường do nhân dân tự nguyện đứng ra xây dựng. Tất cả các kinh phí về việc thành lập và hoạt động của nhà trường đều do nhân dân đài thọ.

**Điều 3.** — Các trường và lớp học phổ thông dân lập có thể tổ chức thành các trường và lớp học riêng, hoàn toàn do giáo viên dân lập phụ trách, hoặc thành các lớp dân lập ghép với những lớp quốc lập trong trường phổ thông cấp 1.

**Điều 4.** — Cũng như các trường học phổ thông quốc lập, các trường và lớp phổ thông dân lập có những nhiệm vụ sau đây :

a — Thực hiện đúng đường lối chủ trương giáo dục của Chính phủ ;

b — Thi hành quy chế của trường phổ thông ;

c — Thi hành các chỉ thị và chịu sự lãnh đạo, kiểm tra của các cấp chính quyền và cơ quan giáo dục.

**Điều 5.** — Ủy ban Hành chính và cơ quan giáo dục các cấp có trách nhiệm lãnh đạo, kiểm tra các trường phổ thông dân lập về mọi mặt tổ chức, nghiệp vụ, quản lý thu chi,...

**Điều 6.** — Học sinh các trường và lớp phổ thông dân lập được hưởng mọi quyền lợi về học tập như học sinh các trường phổ thông quốc lập.

## CHƯƠNG II

### THẺ LỆ MỞ TRƯỜNG DÂN LẬP

**Điều 7.** — Muốn xin mở trường phổ thông dân lập tại một địa phương nào, phải có đủ những điều kiện sau đây :

a — Nhân dân địa phương yêu cầu mở trường và cử người ra đứng tên xin mở trường.

b — Nhân dân địa phương tình nguyện bảo đảm đủ có đủ những điều kiện vật chất cần thiết để xây dựng trường, lớp và để các trường lớp có thể hoạt động được, đảm nhiệm việc thu học phí và bảo đảm trả đủ thù lao cho giáo viên.

c — Có số học sinh tối thiểu để học ở trường, lớp định mở.

d — Có giáo viên có đủ điều kiện để được công nhận là giáo viên trường dân lập.

**Điều 8.** — Đơn xin mở trường phổ thông dân lập phải nộp tại Ty Giáo dục tỉnh hoặc Sở Giáo dục thành phố và gồm có :

a) Một đơn của người được phụ huynh học sinh cử ra đứng tên xin mở trường, được Ủy ban Hành chính xã, thị xã, khu phố công nhận ;

b) Một tờ khai tình hình trường sở, địa điểm định xây dựng trường, số lớp định mở, số giáo viên định tuyển, số học sinh có đủ điều kiện theo học từng lớp ;

c) Hồ sơ tuyển dụng các giáo viên ;

d) Một bản hợp đồng giữa giáo viên và tổ chức phụ huynh học sinh địa phương ghi mọi thỏa thuận

giữa đôi bên, có chứng thực của Ủy ban Hành chính địa phương.

**Điều 9.** — Việc cho phép thành lập trường và lớp học dân lập do Ủy ban Hành chính tỉnh, hay thành phố quyết định theo đề nghị của các Ty hay Sở Giáo dục.

## CHƯƠNG III

### ĐIỀU KIỆN LÀM GIÁO VIÊN TRƯỜNG DÂN LẬP. QUYỀN LỢI VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIÁO VIÊN TRƯỜNG DÂN LẬP

**Điều 10.** — Muốn làm giáo viên dân lập, phải có những điều kiện sau đây :

a) Tốt nghiệp một trường sư phạm hoặc có đủ trình độ văn hóa đảm bảo chất lượng việc giảng dạy do cơ quan cho phép mở trường công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục.

b) Đủ 18 tuổi, khỏe mạnh, không mắc bệnh truyền nhiễm.

c) Được Ủy ban Hành chính xã, thị xã, khu phố... công nhận có hạnh kiểm tốt.

**Điều 11.** — Muốn xin làm giáo viên dân lập, phải nộp đầy đủ hồ sơ gồm có :

a) Một đơn xin dạy học trong đó cam đoan sẽ dạy học trong thời hạn ít nhất là một năm học

b) Một bản lý lịch có ghi nhận xét của Ủy ban Hành chính xã, thị xã, khu phố về hạnh kiểm ;

c) Một bản sao văn bằng hay học bạ hoặc chứng chỉ học lực.

**Điều 12.** — Giáo viên các trường và lớp học phổ thông dân lập được hưởng những quyền lợi sau đây :

a) Được trả thù lao từng tháng một, và hưởng đủ 12 tháng trong một năm. Mức thù lao sẽ do phụ huynh học sinh và giáo viên cùng nhau thỏa thuận ấn định.

b) Được hưởng chế độ nghỉ như giáo viên quốc lập (nghỉ hè, nghỉ lễ).

c) Được miễn đi dân công.

d) Được tính nhân khẩu nông nghiệp.

e) Khi ốm đau, tùy theo khả năng dài thọ của quỹ ban Bảo trợ nhà trường, giáo viên có thể được trợ cấp thêm. Trường hợp quỹ eo hẹp có thể vận động nhân dân giúp đỡ giáo viên.

f) Nữ giáo viên khi sinh đẻ, được nghỉ hộ sản 2 tháng có thù lao. Tùy theo khả năng dài thọ của quỹ ban Bảo trợ nhà trường nữ giáo viên có thể được trợ cấp thêm.

**Điều 13.** — Ngoài ra giáo viên các trường, lớp học phổ thông dân lập còn được hưởng các quyền lợi khác nói trong chỉ thị số 1003-TTg ngày 14-8-1956 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 14.** — Giáo viên các trường và lớp học dân lập phải thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ sau đây :

a) Thực hiện việc giảng dạy tốt, theo đúng chương trình học của Chính phủ.

b) Thi hành nghiêm chỉnh các thông tư chỉ thị của các cấp Chính quyền và Giáo dục có trách nhiệm.

c) Thực hiện đúng những điều đã ký trong hợp đồng với tổ chức phụ huynh học sinh.

**Điều 15.** — Để giúp giáo viên dân lập làm tròn nhiệm vụ, trong những tháng học, các cấp chính quyền có nhiệm vụ giúp đỡ và bảo đảm cho giáo viên có thể dạy học được liên tục; trừ những trường hợp thật cần thiết, không điều động giáo viên làm công tác khác trở ngại cho việc giảng dạy.

#### CHƯƠNG IV

#### TỔ CHỨC BAN BẢO TRỢ NHÀ TRƯỜNG

**Điều 16.** — Ban Bảo trợ nhà trường là những tổ chức do hội nghị phụ huynh học sinh bầu ra để giúp đỡ nhà trường hoạt động.

Nhiệm vụ của ban Bảo trợ nhà trường như sau :

a) Làm cho mối quan hệ giữa nhà trường và nhân dân ngày càng chặt chẽ.

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban Hành chính địa phương nơi mở trường về việc thu và quản lý học phí của học sinh.

c) Vận động nhân dân góp công sức xây dựng, sửa sang, tu bổ trường, lớp.

**Điều 17.** — Tại mỗi xã, thị xã, thị trấn... và bên cạnh mỗi trường phổ thông dân lập thuộc nội thành các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, sẽ thành lập một ban Bảo trợ nhà trường. Các ban Bảo trợ nhà trường đặt dưới quyền lãnh đạo và kiểm tra của các cấp chính quyền và giáo dục địa phương.

**Điều 18.** — Ban Bảo trợ nhà trường gồm có :

— Một trưởng ban ;

— Một thư ký (nên chọn giáo viên của nhà trường) ;

— Một thủ quỹ ;

— Từ 2 đến 4 ủy viên (nhiều hay ít tùy theo sự cần thiết).

Ban thường trực gồm có : trưởng ban, thư ký, thủ quỹ. Một thẻ lệ riêng của Bộ Giáo dục sẽ quy định chi tiết về tổ chức, về lễ lễ làm việc của ban Bảo trợ nhà trường.

#### CHƯƠNG V

#### ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP

**Điều 19.** — Tất cả những trường và lớp học phổ thông dân lập, tất cả các ban Bảo trợ nhà trường và Hội phụ huynh học sinh đã hoạt động trước ngày ban hành bản quy chế này sẽ được điều chỉnh lại về mặt tổ chức theo đúng quy chế này, trong một thời hạn do Ủy ban Hành chính liên khu, khu và thành phố sẽ ấn định.

**Điều 20.** — Trường hợp những giáo viên dân lập hiện đang dạy tại các trường sẽ được điều chỉnh dần dần theo nguyên tắc sau đây :

a) Những giáo viên mà trình độ văn hóa hoặc hạnh kiểm xét ra quá kém, không đủ tiêu chuẩn để làm giáo viên trường dân lập đã quy định trong điều 10 nói trên, thì sẽ được thay thế bằng những giáo viên khác.

b) Những giáo viên không đủ điều kiện về trình độ văn hóa và khả năng giảng dạy, nhưng đã làm giáo viên trường dân lập được trên ba năm sẽ được bồi dưỡng thêm và tiếp tục công tác trong một năm học. Sau thời hạn này, nếu xét ra vẫn chưa đủ điều kiện thì sẽ thay thế bằng những giáo viên dân lập khác.

#### CHƯƠNG VI

#### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 21.** — Những thẻ lệ đã ban hành trước đây trái với những điều quy định trong nghị định này đều bãi bỏ.

**Điều 22.** — Các ông Chánh văn phòng Bộ Giáo dục, Giám đốc Nha Giáo dục phổ thông, Chủ tịch Ủy ban Hành chính các liên khu, khu, thành phố, tỉnh trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 3 tháng 8 năm 1957

Bộ trưởng Bộ Giáo dục  
NGUYỄN VĂN HUYỀN